TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2017/HSST
Ngày 29 - 12 - 2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đình Ngát

2. Bà Đặng Thị Đôi

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đào Văn Phong, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Đình Hưởng, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2017/HSST ngày 01 tháng 12 năm 2017đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thành S**, sinh ngày 29 tháng 3 năm 1991; nơi sinh: Hải Phòng; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Q 2, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; con ông: Không xác định được bố và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1952; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 14/9/2017 đến ngày 20/9/2017 chuyển tạm giam: Có mặt.

2. **Nguyễn Tuấn A**, sinh ngày 09 tháng 8 năm 1988; nơi sinh: Hải Phòng; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Q 2, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; chưa có vợ con; tiền án: Án số 15/2014/HSST ngày 25/9/2014 Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hải Phòng xử phạt 36 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 14/9/2017 đến ngày 20/9/2017 chuyển tạm giam: Có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

- Người bị hại:

+ Ông Tạ Trung T, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn Q 2, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng: Vắng mặt;

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Q 2, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng: Vắng mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Bùi Thị P, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm 6 thôn L, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng: Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Tối ngày 09/9/2017, Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Thành S mượn xe mô tô Wave màu đỏ (chưa xác định được biển kiểm soát) của anh Ngô Văn T, sinh năm 1982, ở thôn Q 4, xã Đ để đi chơi. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, khi đi về đến lối vào nhà S nhặt được thanh sắt dài khoảng 40cm, đường kính khoảng 2cm nên S đã rủ A đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chi tiêu, A đồng ý.

S và A để xe mô tô ở bờ đê rồi đi bộ về thôn Q 2 xem nhà ai sơ hở thì vào trộm cắp tài sản. S đi đến khu vực cổng nhà bà Tạ Thị S1 thấy cổng khóa, cửa chính nhà ngang đóng, khóa bên trong, đèn điện tắt, biết nhà bà S1 không có người ở nên S trèo qua cổng đi đến cửa phụ nhà ngang, dùng thanh sắt mang theo cạy phá ổ khóa cửa rồi vào trong nhà ngang thấy có nhiều cheo lưới đánh bắt cá dạng lưới vét, S lấy gom lại. A thấy S vào nhà bà S1 nên cũng trèo qua tường bao vào gian nhà ngang, dùng bật lửa soi và cùng S lấy các cheo lưới gom lại bó được 06 bó rồi chuyển qua cổng ra ngoài đường thôn. S và A dùng xe mô tô vận chuyển 06 bó lưới đến nhà chị Bùi Thị P, sinh năm 1978, ở thôn L, xã T bán được 4.000.000 đồng. Trên đường về, S và A lại bàn nhau tiếp tục quay lại nhà bà S1 trộm cắp số cheo lưới còn lại, nên để xe mô tô ở bờ đê rồi đi bộ đến trèo qua cổng vào nhà bà S1 lấy các cheo lưới gom lại bó được 03 bó rồi chuyển ra ngoài đường. Do trời gần sáng có người qua lại, sợ bị phát hiện nên S và A mang 03 bó lưới giấu ở khu vực bụi cây lau, sậy gần đó để mang đi tiêu thụ sau.

Sáng ngày 10/9/2017, ông Tạ Trung T sinh năm 1957 ở cùng thôn, phát hiện số cheo lưới đánh bắt cá của gia đình ông để nhờ trong gian nhà ngang nhà bà S1 bị kẻ giam trộm cắp mất 40 cheo lưới đánh bắt cá cùng loại lưới vét, đều đã qua sử dụng, nên ông T trình báo công an xã Đ.

Qua xác minh, Công an xã Đ đã triệu tập Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Thành S đến trụ sở làm việc. A và S đã khai nhận trộm cắp số cheo lưới trên của gia đình ông T mang bán cho chị Bùi Thị P ở thôn L, xã T.

Ngày 14/9/2017, Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ tại nhà chị Bùi Thị P ở thôn L, xã T tổng số 20 cheo lưới đánh bắt cá dạng lưới vét, kích thước 01 cheo

lưới dài 45m, rộng 2m, gắn phao màu xanh và chì, còn 20 cheo lưới Cơ quan điều tra đã truy tìm nơi các đối tượng cất giấu nhưng không thu hồi được. Cùng ngày ông Tạ Trung T đã nhận dạng, xác định số cheo lưới thu ở nhà chị P đúng là lưới của gia đình ông đã bị mất.

Kết quả định giá tài sản, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, kết luận: 40 cheo lưới đánh bắt cá dạng lưới vét, bằng sợi cước trắng, đã qua sử dụng, kích thước 01 cheo lưới dài 45m, rộng 2m, gắn phao màu xanh và chì, có tổng giá trị 20.800.000 đồng.

Cùng ngày 14/9/2017 Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Thành S bị bắt khẩn cấp. Tiến hành khám xét nơi ở, đồ vật của Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Thành S không phát hiện đồ vật, tài liệu gì liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản.

Ông Tạ Trung T, bà Nguyễn Thị H (vợ ông T) khai: Gia đình ông bà mượn gian nhà ngang của bà Tạ Thị S1 ở thôn Q 2, xã Đ, đối diện với nhà ông bà để làm kho chứa lưới đánh bắt cá của gia đình từ năm 2013. Chiều tối ngày 09/9/2017, ông T chuyển toàn bộ 50 cheo lưới đánh bắt cá dạng lưới vét đã qua sử dụng của gia đình vào kho cất giữ rồi khóa bằng ổ khóa Việt - Tiệp. Đến sáng ngày 10/9/2017, ông T sang kho thì phát hiện khóa cửa kho bị kẻ gian cạy phá khóa và lấy trộm mất tổng số 40 cheo lưới. Kích thước một cheo lưới dài 45m, rộng 2m, gắn phao màu xanh và chì. Đây là số cheo lưới do gia đình ông bà mua nguyên liệu về và thuê người đan, một cheo lưới mới làm ra có giá trị 1.000.000 đồng, giá trị một cheo lưới vào thời điểm mất trộm có trị giá khoảng 700.000 đồng.

Về vật chứng: 20 cheo lưới đánh bắt cá dạng lưới vét thu hồi được, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho gia đình ông Tạ Trung T.

Số vật chứng còn lại gồm 20 cheo lưới, 01 ổ khóa Việt - Tiệp, 01 suốt cài cửa của gia đình ông T; 01 thanh sắt dài khoảng 40cm, đường kính khoảng 2cm, 01 bật lửa các bị cáo dùng trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được. Ông Tạ Trung T yêu cầu các bị cáo Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Thành S phải bồi thường 14.000.000 đồng đối với 20 cheo lưới chưa thu hồi được, các bị cáo chưa bồi thường. Đối với 01 ổ khóa Việt - Tiệp, 01 suốt cài cửa của gia đình ông T, các bị cáo phá hỏng và vất đi, do giá trị nhỏ ông T không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Chị Bùi Thị P yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 4.000.000 đồng là tiền chị mua lưới của các bị cáo, các bị cáo chưa bồi thường.

Bà Tạ Thị S1 khai: Do nhà bà không có người ở, bà S1 cho gia đình ông T sử dụng gian nhà ngang để làm kho chứa lưới từ năm 2013, những tài sản trong gian nhà ngang là của gia đình ông T, do gia đình ông T tự trông coi, quản lý, bà S1 không có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại bản Cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 29 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Thụy đã truy tố Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Thành S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Thành S đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên và khai: Trong hai lần trộm cắp lưới tại nhà bà S, A và S đều không đếm số cheo lưới, nên không biết chính xác là đã trộm cắp được bao nhiêu cheo lưới, nhưng ước tính khoảng 40 cheo lưới có đặc điểm, kích thước tương tự số lưới bán cho chị P. S là người đề xuất mang số cheo lưới trộm cắp được đến nhà chị Bùi Thị P ở thôn L, xã T bán. Khi đến nhà chị P, A là người vào giao dịch với chị P để bán lưới, A không nói cho chị P biết số lưới do trộm cắp mà có. Khi mua lưới chị P đếm được tổng số 20 cheo lưới. Số tiền bán lưới 4.000.000 đồng, S và A chia nhau mỗi người 2.000.000 đồng, sau đó đều chi tiêu hết. Thanh sắt S dùng cạy phá khóa cửa, ổ khóa và suốt cài cửa, S đã vất xuống rừng ngập mặn gần đó. Chiếc xe mô tô wave màu đỏ, A và S đã trả lại cho anh T2.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Thành S đồng phạm tội "Trộm cắp tài sản" và áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g (phạm tội nhiều lần, tái phạm) khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 33, 53 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Tuấn A mức án từ 18 đến 24 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g (phạm tội nhiều lần) khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, 33, 53 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Thành S mức án từ 18 đến 24 tháng tù.

Do các bị cáo không có tài sản, nghề nghiệp và là đối tượng sử dụng ma túy, nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt của gia đình ông T là 40 cheo lưới đánh bắt cá dạng lưới vét, bằng sợi cước trắng, đã qua sử dụng, kích thước 01 cheo lưới dài 45m, rộng 2m, gắn phao màu xanh và chì, có tổng giá trị 20.800.000 đồng. Cơ quan Điều tra đã thu hồi được 20 cheo lưới trả lại cho gia đình ông T, số còn lại chưa thu hồi được và ông T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho ông số tiền 14.000.000 đồng. Căn cứ vào kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự; Điều 42 Bộ luật hình sự: Buộc Bị cáo Nguyễn Tuấn A, bị cáo Nguyễn Thành S phải có trách nhiệm bồi thường cho ông T, bà H số tiền 10.400.000 đồng theo kỷ phần A và S mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông T, bà H số tiền là 5.200.000 đồng.

Đối với 01 ổ khóa Việt - Tiệp, 01 suốt cài cửa của gia đình ông T, các bị cáo phá hỏng và vất đi, do giá trị nhỏ ông T không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự buộc bị cáo Nguyễn Tuấn A và bị cáo Nguyễn Thành S phải có trách nhiệm hoàn trả chị Bùi Thị P số tiền 4.000.000 đồng, theo kỷ phần mỗi bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả là 2.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: 20 cheo lưới đánh bắt cá dạng lưới vét đã được thu hồi, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho gia đình ông Tạ Trung T ; 01 ổ khóa Việt - Tiệp, 01 suốt cài cửa của gia đình ông T; 01 thanh sắt dài khoảng 40cm, đường kính khoảng 2cm, 01 bật lửa các bị cáo dùng trộm cắp tài sản; Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xét giải quyết.

Trong vụ án này, các bị cáo khai mượn xe mô tô Wave đỏ (không nhớ biển kiểm soát) của anh Ngô Văn T2. Do anh T2 không có mặt tại địa phương, xe mô tô không thu giữ được, nên Cơ quan điều tra tách ra điều tra xử lý sau; nên không đề nghị Hội đồng xét xử xét giải quyết.

Đối với chị Bùi Thị P khi mua số cheo lưới trên của các bị cáo, nhưng không biết đó là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có, nên không bị xử lý; do vậy không đề nghị Hội đồng xét xử xét giải quyết.

+ Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo luật định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác

XÉT THẤY

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cho thấy: Vào đêm ngày 09, rạng sáng ngày 10/9/2017, Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Thành S đã hai lần lén lút chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông Tạ Trung T và bà Nguyễn Thị H là 40 cheo lưới đánh bắt cá dạng lưới vét, có tổng trị giá là 20.800.000 đồng. Nên có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Thành S và Nguyễn Tuấn A đồng phạm tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự xã hội.

Các bị cáo phạm tội có đồng phạm, thực hiện với lỗi cố ý, cả hai lần phạm tội đã chuẩn bị công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. Các bị cáo phạm tội với quyết tâm cao và đến cùng. Mục đích các bị cáo phạm tội lấy tiền chi tiêu cá nhân và sử dụng ma túy. Đối với số tài sản các bị cáo chiếm đoạt còn một số chưa thu hồi được, đến nay các bị cáo cũng chưa bồi thường cho người bị hại.

Về vai trò của các bị cáo:

- Bị cáo S là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ dùng vào việc phạm tội cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và là người chỉ chỗ mang tài sản chiếm đoạt đi tiêu thụ.

- Bị cáo A không phải là người khởi xướng nhưng là người trực tiếp cùng bị cáo S thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã dùng bật lửa soi để các bị cáo cùng buộc, bó các cheo lưới; cùng S mang tài sản chiếm đoạt đi tiêu thụ, là người trực tiếp thực hiện việc giao dịch mua bán số tài sản do chiếm đoạt mà có cũng là người cầm tiền bán cheo lưới chia cho S.

Vai trò của bị cáo S và bị cáo A gần ngang nhau.

Về tình tiết tăng nặng: Giá trị tài sản hai lần bị cáo S và bị cáo A chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng; nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng theo điểm g "phạm tội nhiều lần" khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Bị cáo A nhân thân có 01 tiền án, tại án số 15/2014/HSST ngày 25/9/2014 Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hải Phòng xử phạt 36 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy đến nay chưa được xóa án tích, lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng theo điểm g "tái phạm" khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Nhân thân bị cáo S chưa có tiền án, tiền sự và các bị cáo đều phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng bị cáo S không được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự vì chỉ trong một thời gian rất ngắn bị cáo đã cùng A hai lần thực hiện hành vi phạm tội. Xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ phần hình phạt cho các bị cáo là có căn cứ.

Kiểm sát viên cũng đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là có căn cứ, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Qua phân tích trên cho thấy các bị cáo là người có ý thức coi thường pháp luật, khó giáo dục cải tạo đặc biệt là bị cáo A đã được giáo dục, cải tạo nhưng không lấy đó làm bài học nay lại tiếp tục phạm tội; nên cần phải xét xử các bị cáo bằng một bản án nghiêm, bắt bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới có tác

dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo, phòng ngừa tội phạm chung và mức hình phạt phải tương xứng với tính chất, động cơ, vài trò, nhân thân của các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 40 cheo lưới đánh bắt cá dạng lưới vét, bằng sợi cước trắng, đã qua sử dụng, kích thước 01 cheo lưới dài 45m, rộng 2m, gắn phao màu xanh và chì, có tổng giá trị 20.800.000 đồng của gia đình ông T. Cơ quan Điều tra đã thu hồi trả lại gia đình ông T 20 cheo lưới; số cheo lưới còn lại ông T yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường theo giá của Hội đồng định giá đã kết luận; xét việc đề nghị của ông T là có căn cứ cần buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông T và bà H số tiền là 10.400.000 đồng theo kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông T và bà H số tiền 5.200.000 đồng.

Đối với 01 ổ khóa Việt - Tiệp, 01 suốt cài cửa của gia đình ông T, các bị cáo phá hỏng và vất đi, do giá trị nhỏ ông T không yêu cầu các bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

Đối với chị P yêu cầu các bị cáo phải trả lại 4.000.000 đồng là tiền đã bỏ ra mua 20 cheo lưới của A và S, tại phiên tòa các bị cáo chấp nhận trả lại chị P. Hội đồng xét xử thấy việc chị P khi mua số cheo lưới không biết là tài sản do phạm tội mà có và yêu cầu của chị là phù hợp; Nên buộc các bị cáo phải trả lại chị P 4.000.000đ; theo kỷ phần mỗi bị cáo phải trả lại chị P 2.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: 20 cheo lưới đánh bắt cá dạng lưới vét đã được thu hồi, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho gia đình ông Tạ Trung T nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

Đối với 01 ổ khóa Việt - Tiệp, 01 suốt cài cửa của gia đình ông T; 01 thanh sắt dài khoảng 40cm, đường kính khoảng 2cm, 01 bật lửa các bị cáo dùng vào việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được, nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

Đối với chiếc xe mô tô Wave đỏ các bị cáo (không nhớ biển kiểm soát) mượn của anh Ngô Văn T2. Do anh T2 không có mặt tại địa phương, xe mô tô không thu giữ được, nên Cơ quan điều tra tách ra điều tra xử lý sau là có căn cứ.

Đối với chị Bùi Thị P khi mua số cheo lưới trên của các bị cáo, nhưng không biết đó là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có, nên không bị xử lý là có căn cứ.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và Dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành S và bị cáo Nguyễn Tuấn A đồng phạm tội "Trộm cắp tài sản"

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thành S 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 14/9/2017.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Tuấn A 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 14/9/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự:

+ Buộc bị cáo S, bị cáo A mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Tạ Trung T, bà Nguyễn Thị H số tiền 5.200.000 đồng.

+ Buộc bị cáo S, bị cáo A mỗi bị cáo phải có trách nhiệm trả lại chị Bùi Thị P số tiền 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (ông T, bà H, chị P) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Về án phí: Bị cáo S, bị cáo A mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 360.000đ (ba trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo S, bị cáo A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông T, bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị P) được quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Căn cứ vào Điều 2, 26 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K + PV 27;
- THA phạt tù + PC81;
- Các bị cáo;
- Những người bị hại;
- Người liên quan;
- Chi cục THADS + Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Bá Lộc